

Bản án số: 312/2024/HS-PT
Ngày: 19/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Phạm Tấn Hoàng**
 ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 291/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Võ Thanh P và các bị cáo khác về tội “*Giết người*” và tội “*Che giấu tội phạm*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST-CTN ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Võ Thanh P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2007 tại A, Gia Lai; nơi thường trú: tổ C, phường T, thị xã A, Gia Lai; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: học sinh; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 và bà Võ Thị Thanh P1, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 28/05/2022 bị Công an xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính, hình thức cảnh cáo về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/10/2023. Có mặt.

2. Bùi Tấn S, sinh ngày 20/07/2006 tại A, Gia Lai; nơi thường trú: tổ F, phường T, thị xã A, Gia Lai; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: không; con ông Bùi Tấn T (chết) và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/10/2023. Có mặt.

3. Đặng Hoàng L, sinh ngày 17/1/2007 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: tổ D, phường T, thị xã A, Gia Lai; chỗ ở hiện nay: số A Đ, tổ D, phường T, thị xã A, Gia Lai; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đặng Hoàng V, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú*. Có mặt.

4. Đỗ Kim H, sinh ngày 15/7/2006 tại thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: 213 N, tổ G, P.A, thị xã A, Gia Lai; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Đỗ Ngọc L1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú*. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S, Đỗ Kim H, Đặng Hoàng L: bà Cao Thị Mi S1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo* Nguyễn Võ Thanh P: ông Nguyễn Văn N (cha) và bà Võ Thị Thanh P1 (mẹ); địa chỉ: tổ C, phường T, thị xã A, Gia Lai; ông N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bà P1 vắng mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo* Bùi Tấn S: bà Nguyễn Thị N1 (mẹ); địa chỉ: tổ F, phường T, thị xã A, Gia Lai; có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo* Đặng Hoàng L: ông Đặng Hoàng V (cha) và bà Nguyễn Thị Mỹ D (mẹ); địa chỉ: số A Đ, tổ D, phường T, thị xã A, Gia Lai; ông V vắng mặt, bà D có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo* Đỗ Kim H: ông Đỗ Ngọc L1 (cha) và Bà Nguyễn Thị Kim L2 (mẹ); địa chỉ: B N, tổ G, phường A, thị xã A, Gia Lai; ông L1 có mặt, bà L2 vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2023, Nguyễn Võ Thanh P nghe Võ Trường H1 kể việc Lê Văn P2 có lời nói đe dọa đánh Thanh P nên P đã nhờ H1 khi nào gặp Văn P2 thì điện báo cho Thanh P biết để gặp nhau nói chuyện và đánh đả mặt Văn P2.

Vào khoảng 01h30' ngày 24/5/2023, Nguyễn Võ Thanh P cùng với Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H và Bùi Tấn S chơi bi da tại tổ H, phường A, thị xã A. Đến khoảng 02h00 cùng ngày thì Nguyễn Võ Thanh P nhận được điện thoại của Võ Trường H1 nói thấy Lê Văn P2 đang chơi ở nhà chị Lê Thị Quỳnh T1, tại thôn T, xã T, huyện Đ, Gia Lai. Nghe vậy, Nguyễn Võ Thanh P rủ Đặng Hoàng L, Bùi Tấn S và Đỗ Kim H đi tìm đánh Lê Văn P2 thì tất cả đồng ý. Thanh P nói cả nhóm về nhà L lấy hung khí, khi về đến nhà, L đi vào nhà lấy 01 con dao tự chế dạng dao lê dài 60cm và 02 cây gậy ba khúc. L cầm theo con dao và đưa 02 gậy ba khúc cho Thanh P. Khi ra ngoài cổng gặp H và S thì Thanh P đưa cây gậy ba khúc màu vàng cho S cầm.

Sau đó, Thanh P điều khiển xe máy BKS 81AE - 018.26 chở L, còn H điều khiển xe máy BKS: 81G1 - 079.40 chở S đi tìm đánh anh Lê Văn P2. Khi đi đến đoạn đường bê tông, cách nhà chị T1 khoảng 100m thuộc tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai thì phát hiện thấy anh Nguyễn Thanh N2 đang chở anh Lê Văn P2 trên xe Honda BKS 81F1 - 157.67 đi ngược chiều thì Thanh P điều khiển xe mô tô chặn trước xe của N2 và Lê Văn P2 lại, còn H dừng xe ngay phía sau cách xe T2 khoảng 03m. Thấy vậy, Lê Văn P2 xuống xe hỏi: "*Có chuyện gì vậy*" thì Thanh P nói: "*Này giờ mày đi chung với thằng nào*". Lê Văn P2 nói lại: "*Này giờ tao ở trong nhà con bồ tao*" thì Thanh P nói: "*Mày thích lão không*" vừa nói Thanh P vừa dùng chân đạp trúng người và dùng gậy ba khúc đánh Lê Văn P2 nhưng không trúng thì Lê Văn P2 bỏ chạy về hướng đường bê tông phía nhà chị T1. Thấy vậy, Đặng Hoàng L cầm dao lê đuổi theo để đánh Lê Văn P2 nhưng không kịp nên quay lại. Khi thấy Nguyễn Thanh N2 đứng gần xe máy, Nguyễn Võ Thanh P (do bức tức vì đánh P không được khi thấy N2 còn đứng đó thì Thanh P nảy sinh ý định đánh N2 cho bồ tức vì N2 đi cùng P) đi lại đứng phía sau bên trái Nghĩa cầm cây gậy ba khúc bằng tay phải đánh liên tiếp 02 cái vào lưng N2, thấy vậy S cũng cầm cây gậy ba khúc bằng tay trái xông đến đánh vào đầu N2 một cái, đến cái thứ hai thì N2 dùng tay chụp được cây gậy ba khúc của S và giữ lại. Do bị giữ cây gậy ba khúc nên S dùng tay phải ôm cổ N2. Khi thấy S ôm cổ ghi đầu N2 xuống thì Thanh P cầm cây gậy ba khúc đánh liên tiếp từ trên xuống dưới 05 đến 06 cái trúng vào đầu của N2 thì N2 thả cây gậy ba khúc của S ra và S cũng buông N2 ra, S đứng phía sau lưng của N2 cầm cây gậy ba khúc đánh liên tiếp khoảng 05 đến 06 cái vào đầu, lưng của N2. Bị đánh, N2 dùng tay ôm đầu và máu chảy nhiều từ trên đầu xuống mặt.

Khi Thanh P và S đang dùng gậy ba khúc đánh N2, L đuổi theo Lê Văn P2 khoảng 50m, không kịp thì quay lại, còn Đỗ Kim H ngồi trên xe mô tô cách 2-3m, thấy N2 bị đánh chảy máu, H đã xuống can và nói Thanh P và S không được đánh N2 nữa đi về. Sau đó H chở Bùi Tấn S cầm theo gậy ba khúc về nhà S tại tổ F, phường T, thị xã A và S đưa cho H cây gậy ba khúc mang về nhà L. Cùng lúc đó, Nguyễn Võ Thanh P đưa gậy ba khúc cho L và chở L cầm theo dao lê và gậy ba khúc đi về nhà L cất giấu.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Thanh N2 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Trung tâm y tế thị xã A, sau đó tiếp tục chuyển đến Bệnh viện Đ điều trị đến ngày 06/6/2023 xuất viện.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 367/KLTTCT-TTPY ngày 21/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thanh N2 tại thời điểm giám định là 12%.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình Nguyễn Võ Thanh P đã bồi thường số tiền 130.000.000đ; gia đình Bùi Tấn S đã bồi thường số tiền 40.000.000đ cho anh Nguyễn Thanh N2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST-CTN ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S phạm tội “*Giết người*”; các bị cáo Đỗ Kim H, Đặng Hoàng L phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 54, Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Thanh P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2023.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 54, Điều 57; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn S 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54, Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Kim H 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2024, bị cáo Đặng Hoàng L và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Hoàng L là bà Nguyễn Thị Mỹ D; bị cáo Đỗ Kim H và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đỗ Kim H là bà Nguyễn Thị Kim L2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 16/5/2024, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Thanh P là ông Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 16/5/2024 và ngày 17/5/2024, bị cáo Bùi Tấn S và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Bùi Tấn S là bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Thanh P là ông Nguyễn Văn N vắng mặt và có đơn xin rút kháng cáo; bị cáo Bùi Tấn S và người đại diện theo pháp luật cho bị cáo là bà Nguyễn Thị N1 xin rút kháng cáo; những người khác có kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Tấn S và kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Thanh P; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng L, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Hoàng L là bà Nguyễn Thị Mỹ D, kháng cáo của bị cáo Đỗ Kim H, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đỗ Kim H là bà Nguyễn Thị Kim L2, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H.

- Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế; lần đầu phạm tội; sau khi phạm tội, các bị cáo ra đầu thú; quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H được hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S đã rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Bùi Tấn S, Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H và người đại diện theo pháp luật của các bị cáo Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S, Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các bị cáo và của người đại diện theo pháp luật của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà, bị cáo Bùi Tấn S, người đại diện theo pháp luật cho bị cáo S là bà Nguyễn Thị N1, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Thanh P là ông Nguyễn Văn N tự nguyện xin rút kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Tấn S, bà Nguyễn Thị N1 và kháng cáo của ông Nguyễn Văn N. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S.

[2]. Về nội dung: các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: xuất phát từ mâu thuẫn trước đó, khi Nguyễn Võ Thanh P nghe thông tin từ Võ Trường H1 cho rằng Lê Văn P2 đòi đánh mình nên rạng sáng ngày 24/4/2023, khi được H1 cho biết Lê Văn P2 đang chơi tại khu vực tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai thì Nguyễn Võ Thanh P đã rủ Bùi Tấn S, Đặng Hoàng L và Đỗ Kim H mang theo dao, gậy ba khúc đi tìm Lê Văn P2 để đánh. Khi nhóm Nguyễn Võ Thanh P đến, Lê Văn P2 bỏ chạy, nhóm của Nguyễn Võ Thanh P không đuổi kịp Lê Văn P2. Lúc này thấy anh Nguyễn Thanh N2 đi cùng với Lê Văn P2 thì Nguyễn Võ Thanh P và Bùi Tấn S đã dùng gậy ba khúc đánh nhiều nhát vào vùng đầu, lưng của anh Nguyễn Thanh N2, gây thương tích tổn hại sức khỏe với tỉ lệ 12%.

Đối với Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H: khi nghe Nguyễn Võ Thanh P rủ đi đánh Lê Văn P2 thì L, H đồng ý, L dẫn P2 về nhà lấy hung khí. Khi gặp Lê Văn P2 thì L đã dùng dao đuổi theo đánh Lê Văn P2 nhưng không kịp nên quay lại. Đỗ Kim H ngồi trên xe mô tô cách 2-3m, thấy N2 bị P2 và S đánh chảy máu thì H đi xuống can ngăn. Sau đó, H chở Bùi Tấn S cầm theo gậy ba khúc về nhà S tại tổ F, phường T, thị xã A, sau đó S đưa cho H cây gậy ba khúc để mang về nhà L. Cùng lúc đó, Nguyễn Võ Thanh P đưa gậy ba khúc cho L và chở L cầm theo dao lê và gậy ba khúc đi về nhà L cất giấu.

Với các hành vi và hậu quả trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử các bị cáo Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H về tội “*Che giấu tội phạm*” theo điểm b khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người đại diện theo pháp luật cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Cũng như Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S, giữa Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H với Lê Văn P2 hay Nguyễn Thanh N2 đều không quen biết, không mâu thuẫn gì nhau. Khi nghe bị cáo P2 rủ đi tìm đánh anh Lê Văn P2 thì L và H đều đồng ý; chính L là người đã dẫn cả nhóm về nhà mình lấy hung khí (dao, gậy ba khúc) để đi đánh nhau. Việc bị cáo P2 đánh bị hại anh Nguyễn Thanh Nghĩa 1 bộp phát, không nằm trong dự tính trước đó của các bị cáo; khi Thanh P và S đánh bị hại thì L đang đuổi theo Lê Văn P2, H ngồi trên xe mô tô cách 2-3m thấy N2 bị đánh cũng không hô hào, kích động hay giúp sức. Cả Đặng Hoàng L và Đỗ Kim H đều nhận thức được hành vi dùng gậy ba khúc đánh liên tiếp vào đầu, lưng là có thể gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của bị hại nhưng sau khi biết được hành vi nguy hiểm do Thanh P và S gây ra, L và H không những không ra trình báo cơ quan chức năng mà còn chở các bị cáo về nhà L để cất giấu hung khí. Hành vi này của Đặng Hoàng L và Đỗ Kim H đã gây khó khăn trong công tác điều tra làm rõ sự thật khách quan của vụ án, gây ảnh hưởng xấu

đến an ninh trật tự địa phương. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo.

[3.2]. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt Đặng Hoàng L 12 tháng tù; Đỗ Kim H 09 tháng tù là đã xem xét toàn diện vụ án, mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện sự phân hóa vai trò tội phạm, đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội cũng như công tác giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và người đại diện theo pháp luật của các bị cáo có kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo đối với Đặng Hoàng L và Đỗ Kim H; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định.

[5]. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Tấn S, kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị cáo Bùi Tấn S là bà Nguyễn Thị N1 và kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Thanh P là ông Nguyễn Văn N. Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST-CTN ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Võ Thanh P, Bùi Tấn S.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H; không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Hoàng L là bà Nguyễn Thị Mỹ D và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đỗ Kim H là bà Nguyễn Thị Kim L2;

2.2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST-CTN ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với các bị cáo Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H.

2.3. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Kim H, Đặng Hoàng L phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54, Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự 2015;

- Xử phạt: bị cáo Đặng Hoàng L 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Xử phạt: bị cáo Đỗ Kim H 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đặng Hoàng L, Đỗ Kim H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

4. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST-CTN ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên